

BẢNG KÊ CHỨNG TỪ THÁNG 9 NĂM 2025
(Báo cáo thuế)

STT	Tên doanh nghiệp	Số tiền (nước thải)	Số tiền (khí thải)	Số chứng từ	Số cuốn	Số Xêri	Mẫu số
1	CT TNHH DV TM SX TRI DUC	2.240.189		0049017	0000981	AE-22P	01BLP2-001
2	CT CP HAI SAN BINH DONG	1.794.593		0049018	0000981	AE-22P	01BLP2-001
3	CTCP DT PT TAM SINH NGHIA	18.573.341		0049019	0000981	AE-22P	01BLP2-001
4	CT CPDT PHAT TRIEN CONG NGHIEP THUONG MAI CU CHI	198.118.755		0049020	0000981	AE-22P	01BLP2-001
5	THE OPERATING OFFICE OF IDEMITSU GAS PRODUCTION	47.154.869		0049021	0000981	AE-22P	01BLP2-001
6	CTCP CAP NUOC BRVT	1.000.000		0049022	0000981	AE-22P	01BLP2-001
7	CTCP CAP NUOC CHAU DUC	1.381.842		0049023	0000981	AE-22P	01BLP2-001
8	CT TNHH NM BIA HEINEKEN VN - VUNG TAU	76.760		0049024	0000981	AE-22P	01BLP2-001
9	CN CT TNHH SX NGUYEN HOANG	2.500.000		0049025	0000981	AE-22P	01BLP2-001
10	VPDH CT PREMIER OIL VN OFFSHORE B.V TAI Tp.HCM	597.611.058		0049026	0000981	AE-22P	01BLP2-001
11	CN CT CP HUNG THAI HOLDINGS XN DV HC TS HUNG THAI	368.857		0049027	0000981	AE-22P	01BLP2-001
12	TONG CT XAY DUNG SAI GON TNHH MTV	14.233.360		0049028	0000981	AE-22P	01BLP2-001
13	CT CP DET MAY 7	1.353.175		0049029	0000981	AE-22P	01BLP2-001
14	CT CP DV TM THIEN PHAT	4.768.715		0049030	0000981	AE-22P	01BLP2-001
15	CT TNHH CHAN NUOI BAO HUY	6.607.971		0049031	0000981	AE-22P	01BLP2-001
16	CN TCT DAU VN - CTCP - XN TONG KHO XANG DAU MIEN DONG (KHO TN)	1.744.765		0049032	0000981	AE-22P	01BLP2-001
17	CN TCT DAU VN - CTCP - XN TONG KHO XANG DAU MIEN DONG (KHO CLT)	1.808.560		0049033	0000981	AE-22P	01BLP2-001
18	CT CP THUY SAN HAI LONG	3.269.440		0049034	0000981	AE-22P	01BLP2-001
19	CT DT VA KTHT KCN DONG XUYEN VA PHU MY I TINH BRVT	9.189.071		0049035	0000981	AE-22P	01BLP2-001
20	LE THI BICH THUY	2.067.976		0049036	0000981	AE-22P	01BLP2-001
21	CT TNHH THUONG MAI HONG PHU	1.790.088		0049037	0000981	AE-22P	01BLP2-001
22	CT TNHH NGK COCA COLA VN	1.598.520		0049038	0000981	AE-22P	01BLP2-001
23	CT CP DET LUOI SAI GON	4.400.048		0049039	0000981	AE-22P	01BLP2-001
24	CT TNHH SAMBU VINA SPORTS	11.361.875		0049040	0000981	AE-22P	01BLP2-001
25	CT CP TAP DOAN THAI TUAN	91.169.864		0049041	0000981	AE-22P	01BLP2-001
26	CT TNHH MAY THEU THUAN PHUONG (BINH CHANH)	3.298.003		0049042	0000981	AE-22P	01BLP2-001
27	CT TNHH NGOC HAN HOA BINH	3.628.080		0049043	0000981	AE-22P	01BLP2-001
28	CT CP KCN TAN BINH	60.491.489		0049044	0000981	AE-22P	01BLP2-001
29	CT TNHH ECLAT FABRICS VN	490.602		0049045	0000981	AE-22P	01BLP2-001
30	CT TNHH HIKOSEN CARA	1.500.083		0049046	0000981	AE-22P	01BLP2-001
31	CT TNHH CHAN NUOI PHAT TRIEN	6.310.396		0049047	0000981	AE-22P	01BLP2-001

STT	Tên doanh nghiệp	Số tiền (nước thải)	Số tiền (khí thải)	Số chứng từ	Số cuốn	Số Xêri	Mẫu số
32	HỦY BIÊN LAI			0049048	0000981		
33	CT CPTS CO MAY	686.128		0049049	0000981	AE-22P	01BLP2-001
34	HỦY BIÊN LAI			0049050	0000981		
35	CT TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐO THỊ Tp.HCM	9.730.540		0049051	0000982	AE-22P	01BLP2-001
36	CT TNHH MTV KCN VINH LỘC	477.873.268		0049052	0000982	AE-22P	01BLP2-001
37	CT TNHH POUYUEN VN	313.064.037		0049053	0000982	AE-22P	01BLP2-001
38	CT CP KHO VẠN GN NT MỘC AN CHAU	1.830.608		0049054	0000982	AE-22P	01BLP2-001
39	CT CP KHO VẠN GN NT MỘC AN CHAU	1.886.494		0049055	0000982	AE-22P	01BLP2-001
40	CT CP KHO VẠN GN NT MỘC AN CHAU	2.030.434		0049056	0000982	AE-22P	01BLP2-001
41	CT TNHH TM VÀ DV SIÊU THỊ AN LẠC	8.528.680		0049057	0000982	AE-22P	01BLP2-001
42	CT TNHH INTEL PRODUCTS VN		750.009	0049058	0000982	AE-22P	01BLP2-001
43	CT TNHH INTEL PRODUCTS VN		750.000	0049059	0000982	AE-22P	01BLP2-001
44	CT CP LƯƠNG THỨC THỨC PHẨM COLUSA MILIKET		1.507.215	0049060	0000982	AE-22P	01BLP2-001
45	TCT CP PHONG PHU		1.518.850	0049061	0000982	AE-22P	01BLP2-001
46	CT CP BOT GIAT LIX		1.501.652	0049062	0000982	AE-22P	01BLP2-001
47	CT TNHH CS WIND VN		3.002.428	0049063	0000982	AE-22P	01BLP2-001
48	CT TNHH JS TECH VN		2.750.000	0049064	0000982	AE-22P	01BLP2-001
49	CT TNHH CN BAO BI VISINGPACK		3.000.000	0049065	0000982	AE-22P	01BLP2-001
50	CT CP HOA CHẤT HIỆM VN		1.519.234	0049066	0000982	AE-22P	01BLP2-001
51	CT TNHH THỨC PHẨM ORION VINA		9.250.198	0049067	0000982	AE-22P	01BLP2-001
52	HỦY BIÊN LAI			0049068	0000982		
53	CT TNHH DÔNG PHƯƠNG VÙNG TAU		750.040	0049069	0000982	AE-22P	01BLP2-001
54	CT TNHH AT VÀ N		2.750.000	0049070	0000982	AE-22P	01BLP2-001
55	HỦY BIÊN LAI			0049071	0000982		
56	CN HCM CT TNHH JINWON VN		1.516.017	0049072	0000982	AE-22P	01BLP2-001
57	CT TNHH WORLDON VN		1.538.210	0049073	0000982	AE-22P	01BLP2-001
58	CT TNHH THAI WAH VN		1.500.453	0049074	0000982	AE-22P	01BLP2-001
59	CT TNHH SBSAMBO VINA		1.501.359	0049075	0000982	AE-22P	01BLP2-001
60	CT FULLXIN VN		1.516.677	0049076	0000982	AE-22P	01BLP2-001
61	CN CT CP DP IMEXPHARM - NM KHANG SINH CNC VINH LỘC		1.501.678	0049077	0000982	AE-22P	01BLP2-001
62	CT CP SX VÀ DT HOANG GIA XANH		750.793	0049078	0000982	AE-22P	01BLP2-001
63	CT TNHH SEIKO PMC VN		3.000.000	0049079	0000982	AE-22P	01BLP2-001
64	CT TNHH FREETREND INDUSTRIAL A VN		1.503.227	0049080	0000982	AE-22P	01BLP2-001
65	CT TNHH KINH DOANH NÔNG SẢN VN		1.624.602	0049081	0000982	AE-22P	01BLP2-001
66	CT NAM THIÊN LONG		1.500.000	0049082	0000982	AE-22P	01BLP2-001
67	CT TNHH TM ĐẠI PHU		1.635.471	0049083	0000982	AE-22P	01BLP2-001
68	CT TNHH SX HIỆP PHƯỚC THANH		3.000.000	0049084	0000982	AE-22P	01BLP2-001
69	CN CT CP PHAN BÓN MIỀN NAM - NM PHAN BÓN HIỆP PHƯỚC		1.530.469	0049085	0000982	AE-22P	01BLP2-001

STT	Tên doanh nghiệp	Số tiền (nước thải)	Số tiền (khí thải)	Số chứng từ	Số cuốn	Số Xêri	Mẫu số
70	CT TNHH AKIBA COATING & TECHNOLOGY VN		750.035	0049086	0000982	AE-22P	01BLP2-001
71	CT TNHH AKIBA COATING & TECHNOLOGY VN		750.048	0049087	0000982	AE-22P	01BLP2-001
72	CT CP DUOC PHAM SAVI		1.250.000	0049088	0000982	AE-22P	01BLP2-001
73	CT TNHH NISSEY VN		2.750.000	0049089	0000982	AE-22P	01BLP2-001
74	CT TNHH PEPPERL + FUCHS VN		2.750.000	0049090	0000982	AE-22P	01BLP2-001
75	CT CP ACECOOK VN		1.512.730	0049091	0000982	AE-22P	01BLP2-001
76	HTX SX TM TAN THANH		750.000	0049092	0000982	AE-22P	01BLP2-001
77	CT CP DET MAY DT TM THANH CONG		1.534.866	0049093	0000982	AE-22P	01BLP2-001
78	CN CT CP SUA VN - NHA MAY SUA SAI GON		2.750.000	0049094	0000982	AE-22P	01BLP2-001
	Tổng nước thải, khí thải	1.917.532.534	67.466.261				
	TỔNG CỘNG	1.984.998.795					

PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP


Huỳnh Thị Thuận

**PHÒNG THU PHÍ
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**


Dương Thị Minh Hằng

Nơi nhận:

+ P.KH (báo cáo);

+ Lưu, VT-TP(2).

